

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;

2. Ông Lê Gia Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1968, địa chỉ: số 7x, khóm 5, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1973, địa chỉ: số 1 Nguyễn Hữu Trí, khóm V, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà P, ông M vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày: Vào năm 2001, bà P và ông M tự tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, bà P và ông M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà P yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung và nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản ý kiến cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến cuộc sống chung như bà P trình bày. Quá trình sống chung, ông M và bà P chung sống không hạnh phúc do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Mặc dù, ông M và bà P đã hàn gắn tình cảm nhưng không thể sống chung với nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên ông M đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung và nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Kim P và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án không hòa giải về hôn nhân giữa bà P, ông M. Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

* Tại phiên tòa:

- Thẩm phán công bố đơn khởi kiện của nguyên đơn, văn bản ý kiến bị đơn, kết quả xác minh Ủy ban nhân dân phường C và kết quả xác minh Ủy ban nhân dân phường V.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà P và ông M chung sống như vợ chồng vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà P và ông M là vợ chồng.

Về con chung, nợ chung: không có; Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà P và ông M là vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Kim P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Ông M có nơi cư trú trên địa bàn thành phố K. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Kim P và ông Nguyễn Văn M tự tìm hiểu nhau và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo hộ khẩu thường trú của bà Lê Thị Kim P tại phường C và ông Nguyễn Văn M cư trú tại phường V. Do đó, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường C và Ủy ban nhân dân phường V, thành phố K, tỉnh An Giang cho biết bà Lê Thị Kim P, ông Nguyễn Văn M chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C và Ủy ban nhân dân phường V.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.

Bà Lê Thị Kim P và ông Nguyễn Văn M sống chung với nhau từ năm 2001, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét, không công nhận bà Lê Thị Kim P và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng như theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, nợ chung:

Bà Lê Thị Kim P và ông Nguyễn Văn M thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về tài sản chung:

Bà Lê Thị Kim P và ông Nguyễn Văn M khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Kim P và Nguyễn Văn M là vợ chồng.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002852 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Bà Lê Thị Kim P đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Kim P và Nguyễn Văn M là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền